

Trưởng:

BẢNG THỐNG KÊ NHÂN LỰC ĐÀO TẠO NĂM 2024, 2025



I- Các chuyên ngành đang đào tạo		Dự kiến số lượng tốt nghiệp từng tháng trong năm 2024												Dự kiến số lượng tốt nghiệp từng tháng trong năm 2025												Tổng	
Stt	Chuyên ngành đào tạo	Số lượng học sinh đang đào tạo																								T11	T12
		T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12		
1	Thợ lắp (Fitters)																										
2	Thợ hàn (Welders)																										
3	Thợ Điện (Electrician)																										
4	Thợ Giàn giáo (Scaffolders)																										
5	Thợ Bắn cát phun sơn (Blasters & Painters)																										
6	Thợ móc cáp (Riggers)																										
7	Thợ khác (Others Workers)																										
	Tổng cộng																										

II- Các khóa đào tạo ngắn hạn

Khả năng có thể chiêu sinh các em học sinh đã tốt nghiệp nghề 18 tháng để đưa vào đào tạo ngắn hạn các chuyên ngành kỹ thuật theo yêu cầu của Công ty Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC

Chuyên ngành đào tạo ngắn hạn		Số lượng có thể chiêu sinh trong năm 2024												Số lượng có thể chiêu sinh trong năm 2025												Tổng	
Stt		T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12		
1	Hàn kết cấu GG (SMAW)																										
2	Hàn ống nghệ GG (GTAW/TIG)																										
3	Hàn tự động (SAW)																										
4	Lắp ráp kết cấu (Structural Fitters)																										
5	Lắp ráp ống công nghệ (Piping Fitters)																										
6	Cắt hơi (Cutters)																										
7	Thổi cặn than (Gouging)																										
8	Điện công nghiệp (Electric Workers)																										
9	Tự động hóa (Instrument Workers)																										
	Tổng																										

Người lập biểu

..... ngày/...../20....
Lãnh đạo Nhà trường

WV



PHỤ CẦU HUY ĐỘNG NHÂN LỰC CỦA CÔNG TY PTSC M&C NĂM 2024, 2025

SUM	Description	Group	Oct-24	Nov-24	Dec-24	Jan-25	Feb-25	Mar-25	Apr-25	May-25	Jun-25	Jul-25	Aug-25	Sep-25	Oct-25	Nov-25	Dec-25	Jan-26	Feb-26
3153	HUY ĐỘNG	Fitters	,	27	329	407	570	656	438	191	227	308	,	,	,	,	,	,	,
1255		Welders	,	121	178	230	323	195	115	,	,	23	70	,	,	,	,	,	,
909		Electrician	,	,	,	,	,	,	93	99	146	195	47	104	37	15	9	163	,
424		Scaffolders	,	,	,	135	60	55	67	32	14	61	,	,	,	,	,	,	,
191		Blasters & Painters	,	,	,	,	,	68	10	,	44	69	,	,	,	,	,	,	,
338		Riggers	,	,	,	,	109	54	67	74	34	,	,	,	,	,	,	,	,
344		Others Workers	,	,	,	63	66	72	50	31	,	62	,	,	,	,	,	,	,
6614		SUM	,	148	507	835	1128	1100	840	427	465	718	117	104	37	15	9	163	,

Handwritten signature